

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/DS-ST
Ngày: 27/9/2018
“V/v tranh chấp hợp đồng
góp hụi và vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông: **Lý Ngân**

2/. Ông: **Thạch Rích**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Cẩm Minh** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Kim Thị Cẩm Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2017/TLST-DS, ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc “**Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2018; **thông báo số về việc thay đổi** thời gian xét xử số 36/TB- TA ngày 31/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐST- DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Như N** (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị T**(có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2017; biên bản hòa giải ngày 10/01/2018; biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2018; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Như N trình bày:

Vào ngày 10/12/2012, bà làm chủ hụi, có mở 08 dây hụi (trong đó có 04 dây hụi 1.000.000đ; 02 dây hụi 3.000.000đ; 02 dây hụi 5.000.000đ).

Dây hụi thứ 01: Mở ngày 10/12/2012, có 23 phần, mỗi phần 1.000.000đ, bà T tham gia một phần, hốt lần thứ nhất, bà N giao số tiền: 10.500.000đ (bà T ra 500.000đ, số tiền hốt 11.000.000đ, trừ đầu thảo 500.000đ, còn lại 10.500.000đ); bà T đóng hụi chết lại được 13 lần, nợ hụi chết lại 9 lần, bằng **9.000.000đ**.

Dây hụi thứ 02: Mở ngày 10/12/2012, có 23 phần, mỗi phần 1.000.000đ, bà T tham gia hai phần:

- Phần thứ nhất bà T hốt lần thứ hai, bà N giao số tiền: 11.260.000đ (bà T ra 440.000đ, số tiền hốt 12.760.000đ, trừ đầu thảo 500.000đ, còn lại 11.260.000đ); bà T đóng hụi chết lại được 13 lần, nợ hụi chết lại 9 lần, bằng **9.000.000đ**.

- Phần thứ hai bà T hốt lần thứ ba, bà N giao số tiền: 11.500.000đ (bà Thúy ra 500.000đ, số tiền hốt 12.000.000đ, trừ đầu thảo 500.000đ, còn lại 11.500.000đ); bà Thúy đóng hụi chết lại được 13 lần, nợ hụi chết lại 9 lần, bằng **9.000.000đ**.

Dây hụi thứ 03: Mở ngày 10/12/2012, có 23 phần, mỗi phần 1.000.000đ, bà T tham gia một phần, bà T hốt lần thứ 5, bà N giao số tiền: 12.230.000đ (bà T ra 515.000đ, số tiền hốt 12.700.000đ, trừ đầu thảo 500.000đ, còn lại 12.230.000đ); bà T đóng hụi chết lại được 13 lần, nợ hụi chết lại 9 lần, bằng **9.000.000đ**.

Dây hụi thứ 04: Mở ngày 10/12/2012, có 23 phần, mỗi phần 1.000.000đ, bà T tham gia một phần, bà T hốt lần thứ 7, bà N giao số tiền: 13.500.000đ (bà T ra 500.000đ, số tiền hốt 14.000.000đ, trừ đầu thảo 500.000đ, còn lại 13.500.000đ); bà T đóng hụi chết lại được 12 lần, nợ hụi chết lại 10 lần, bằng **10.000.000đ**.

Dây hụi thứ 05: Mở ngày 15/3/2012, có 15 phần, mỗi phần 3.000.000đ, bà T tham gia một phần, bà T hốt lần thứ năm, bà N giao số tiền: 25.500.000đ (bà T ra 1.500.000đ, số tiền hốt 27.000.000đ, trừ đầu thảo 1.500.000đ, còn lại 25.500.000đ); bà T đóng hụi chết lại được 8 lần, nợ hụi chết lại 6 lần, bằng **18.000.000đ**.

Dây hụi thứ 06: Mở ngày 15/3/2012, có 15 phần, mỗi phần 3.000.000đ, bà T tham gia một phần, bà T hốt lần thứ sáu, bà N giao số tiền: 27.900.000đ (bà T ra 1.400.000đ, số tiền hốt 29.400.000đ, trừ đầu thảo 1.500.000đ, còn lại 27.900.000đ); bà T đóng hụi chết lại được 8 lần, nợ hụi chết lại 6 lần, bằng **18.000.000đ**.

Dây hụi thứ 07: Mở ngày 30/01/2013, có 15 phần, mỗi phần 5.000.000đ (bà T tham gia một phần, bà T hốt lần thứ nhất, bà N giao số tiền: 31.800.000đ (bà T ra 2.550.000đ, số tiền hốt 34.300.000đ, trừ đầu thảo 2.500.000đ, còn lại 31.800.000đ); bà T đóng hụi chết lại được 6 lần, nợ hụi chết lại 8 lần, bằng **40.000.000đ**.

Dây hụi thứ **08**: Mở ngày 30/01/2013, có 15 phần, mỗi phần 5.000.000đ (bà T tham gia một phần, bà T hốt lần thứ ba, bà N giao số tiền: 38.700.000đ (bà T ra 2.400.000đ, số tiền hốt 41.200.000đ, trừ đầu thảo 2.500.000đ, còn lại 38.700.000đ); bà T đóng hụi chết lại được 6 lần, nợ hụi chết lại 8 lần, bằng **40.000.000đ**.

Ngoài số tiền hụi trên, bà T còn vay 25.000.000đ (03 lần, ngày 21/3/2016 vay 15.000.000đ; ngày 25/7/2016 vay 5.000.000đ; ngày 25/11/2016 vay 5.000.000đ).

Tổng cộng bà T nợ tiền hụi và tiền vay là: 187.000.000đ (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng).

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả số tiền hụi và tiền vay còn thiếu 187.000.000đ.

Tại biên bản hòa giải ngày 10/01/2018, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận có tham gia tất cả các dây hụi của bà N, đồng thời cũng có hốt hụi và nhận tiền như bà N trình bày. Trong đó một dây hụi 3.000.000đ hùn với bà N (mỗi người 1/2 phần), cùng dây hụi 5.000.000đ còn một phần chưa hốt, bà N cần trừ qua các phần hụi đã chết hốt rồi, còn phải đóng lại, tại thời điểm đó bà N cộng sổ hụi lại và nói bà T còn thiếu 60.000.000đ, hơn một năm sau bà N kêu bà T qua nhà nói cộng sổ lộn, bà T còn thiếu 160.000.000đ, bà T không đồng ý. Còn tiền vay là 20.000.000đ, tổng cộng là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Nay bà thừa nhận có thiếu bà N tiền hụi và tiền vay là: 80.000.000đ và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi dứt số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T trả số tiền 187.000.000đ (trong đó tiền hụi là 162.000.000đ; tiền vay là 25.000.000đ).

Bà N cho rằng bà T nợ tiền hụi (04 dây hụi 1.000.000đ; 02 dây hụi 3.000.000đ; 02 dây hụi 5.000.000đ) là 162.000.000đ; tiền vay 25.000.000đ; tổng cộng là 187.000.000đ (Một trăm bảy mươi tám triệu đồng), nhưng không có giấy tờ, chứng cứ gì để chứng minh việc bà T nợ tiền hụi và tiền vay nêu trên.

[2] Còn bà T thì thừa nhận có tham gia các dây hụi của bà N, nhưng cụ thể hốt các phần hụi lần thứ mấy, bao nhiêu tiền, nợ hụi lại mỗi dây bao nhiêu bà không nhớ, sau đó bà N cộng sổ hụi lại nói bà thiếu 60.000.000đ, cùng với tiền vay 20.000.000đ, tổng cộng là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) bà đồng ý. Cách khoảng một năm sau bà N kêu bà qua nhà nói cộng sổ lộn, bà thiếu tiền hụi 162.000.000đ và tiền vay 25.000.000đ, bà không thừa nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, bà N chấp nhận theo lời thừa nhận của bà T số tiền nợ hụi 60.000.000đ và tiền vay 20.000.000đ, xin rút lại một phần yêu cầu với số tiền 107.000.000đ (Một trăm lẻ bảy triệu đồng).

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng bà N kiện yêu cầu bà T trả 187.000.000đ (tiền hụi 162.000.000đ, tiền vay 25.000.000đ), nhưng không có chứng cứ chứng minh, còn bà T thì thừa nhận nợ 80.000.000đ (tiền hụi 60.000.000đ, tiền vay 20.000.000đ), bà N chấp nhận theo lời thừa nhận nợ của bà T còn nợ tổng cộng 80.000.000đ. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà N không cần phải chứng minh, nên cần buộc bà T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà N số tiền 80.000.000đ (tiền hụi 60.000.000đ, tiền vay 20.000.000đ) là có căn cứ, còn tại phiên tòa hôm nay bà N xin rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền 107.000.000đ (Một trăm lẻ bảy triệu đồng) là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình

chỉ một phần yêu cầu của bà N đối với số tiền 107.000.000đ (Một trăm lẻ bảy triệu đồng).

[4] Từ những nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Như N là có cơ sở chấp nhận một phần. Do đó áp dụng Điều 479; Điều 471; khoản 1,5 Điều 474; khoản 2, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005 buộc bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền 80.000.000đ là có căn cứ.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 80.000.000đ x 5% = 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn số tiền hui và tiền vay 80.000.000đ. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn với số tiền 107.000.000đ (Một trăm lẻ bảy triệu đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: 479; Điều 471; khoản 1,5 Điều 474; khoản 2, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005

- Áp dụng: Điều 30 Nghị Định 144/NĐ- CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hui, biêu, phường.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Như N kiện bà Nguyễn Thị T về việc " Tranh chấp hợp đồng góp hui và vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Như N số tiền: 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Như N đối với số tiền 107.000.000đ (Một trăm lẻ bảy triệu đồng).

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Bà Nguyễn Như N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 4.675.000đ (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai số: 0009855 ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Như N có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị T còn phải trả lãi cho bà Nguyễn Như N theo mức lãi suất 10% / năm, đối với số tiền chậm thi hành án. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh

